

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 30/2023/KDTM-ST

Ngày: 22 /9/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng

gia công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2023/QĐST-KDTM ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q

Trụ sở: Số B đường A, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Trần C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà F H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Giấy uỷ quyền số công chứng 007098, Quyền số 09/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2023)

(đương sự có mặt)

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH B

Trụ sở: Số B đường M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Mohamad A – Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: B M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/01/2021 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn có người đại diện là ông Võ Trần C trình bày:

Năm 2020, H kinh doanh Lương Kiến Q và Công ty TNHH B có ký Hợp đồng kinh tế (không ghi ngày, tháng) theo đó H kinh doanh Lương Kiến Q nhận gia công 8000 balo cho Công ty TNHH B, đơn giá 130.000đồng/balo, thành tiền 1.040.000.000 đồng. Việc thanh toán thực hiện như sau:

- + Công ty TNHH B tạm ứng 578.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng;
- + Công ty TNHH B thanh toán 150.000.000 đồng tiếp theo khi lấy 2000 balo vào ngày 08/6/2020;
- + Công ty TNHH B thanh toán hết số tiền 312.000.000 đồng khi lấy 6000 hàng còn lại vào ngày 20/6/2020.

Hộ kinh doanh Lương Kiến Q đã gia công và giao cho Công ty TNHH B đủ số lượng, đúng chất lượng 8000 balo vào các ngày 08, ngày 10 và ngày 18/6/2020 nhưng Công ty TNHH B đã không thanh toán đúng thoả thuận của hợp đồng, cụ thể là đã không tạm ứng số tiền 578.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng, không thanh toán tiền trước khi nhận hàng.

Từ khi nhận đủ hàng cho đến nay, Công ty TNHH B chỉ mới tạm ứng cho H kinh doanh Lương Kiến Q số tiền 200.000.000 đồng qua 4 lần tạm ứng như sau: Ngày 09/6/2020, tạm ứng 02 lần, mỗi lần tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/6/2020, tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 19/6/2020, tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, Công ty TNHH B còn nợ Hộ kinh doanh Lương Kiến Q là 840.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định là ngoài 04 lần nguyên đơn đã nhận tiền tạm ứng do bị đơn chuyển khoản trên thì không còn nhận lần nào khác.

Do mỗi lần giao nhận hàng chỉ ký giấy xác nhận đã giao nhận hàng giữa đại diện của hộ kinh doanh và người nhận hàng đại diện của Công ty, H kinh doanh Lương Kiến Q đã không còn lưu giữ các giấy xác nhận này do đã bị thất lạc, Công ty B còn nợ tiền hàng gia công nên sau đó, ngày 27/7/2020, Công ty TNHH B và Hộ kinh doanh Lương Kiến Q (do bà Lâm Thị Ngọc G - vợ ông Lương Kiến Q làm đại diện) đã ký Biên bản giao nhận với nội dung Công ty TNHH B xác nhận Hộ kinh doanh Lương Kiến Q đã giao cho Công ty TNHH B đúng chủng loại và đúng số

lượng hàng gia công (8000 balo). Công ty TNHH B hoàn toàn không có bất kỳ khiếu nại nào đối với 8000 balo.

Hộ kinh doanh Lương Kiến Q đã yêu cầu Công ty TNHH B thanh toán số tiền gia công còn nợ nêu trên rất nhiều lần nhưng Công ty TNHH B vẫn không thanh toán. Vì vậy, Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q khởi kiện Công ty TNHH B, yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH B phải trả cho số tiền gia công còn nợ là 840.000.000đ (Tám trăm bốn mươi triệu đồng).

- Buộc Công ty TNHH B phải trả tiền lãi do quá hạn thanh toán tính từ ngày 27/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 5,5%/năm (Nguyên đơn đồng ý tính theo mức lãi suất mà Tòa án đã xác minh thu thập được và tính theo hướng có lợi cho bị đơn là 5.5%/năm) tạm tính từ ngày 27/7/2020 đến ngày 22/9/2023 với số tiền là: 145.723.200đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng).

Yêu cầu Công ty TNHH B phải trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Công ty TNHH B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Xét thấy, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng gia công, được ký kết giữa hai bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy tranh chấp này là tranh chấp về kinh doanh thương mại, do bị đơn là Công ty TNHH B có địa chỉ trụ sở

tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về các yêu cầu của đương sự:

[3] Nguyên đơn Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q yêu cầu: Công ty TNHH B phải thanh toán toàn bộ số tiền gia công còn nợ là 840.000.000đ (T trăm bốn mươi triệu đồng). Đồng thời, Công ty TNHH B phải trả tiền lãi do quá hạn thanh toán tính từ ngày 27/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 5,5%/năm với số tiền là: 145.723.200đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng).

[4] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cùng lời khai của nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, đã có đủ cơ sở xác định giữa Hộ kinh doanh Lương Kiến Q và Công ty TNHH B có ký kết Hợp đồng kinh tế (không ghi ngày, tháng) vào năm 2020, hai bên đã thoả thuận Hộ kinh doanh Lương Kiến Q nhận gia công 8000 balo cho Công ty TNHH B, đơn giá 130.000đồng/balo, thành tiền 1.040.000.000 đồng. Xét Hợp đồng có nội dung và hình thức không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 385, Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, H kinh doanh Lương Kiến Q đã gia công và giao cho Công ty TNHH B balo. Giữa các bên có ký biên bản giao nhận ngày 27/7/2020, theo đó Công ty TNHH B xác nhận Hộ kinh doanh Lương Kiến Q đã giao hàng đúng chủng loại và đủ số lượng hàng.

Về thanh toán tiền hàng, Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q xác định Công ty TNHH B không tạm ứng số tiền 578.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng, không thanh toán tiền trước khi nhận hàng. Từ khi nhận đủ hàng cho đến nay, Công ty TNHH B chỉ mới tạm ứng cho H kinh doanh Lương Kiến Q số tiền 200.000.000 đồng qua 4 lần tạm ứng như sau: Ngày 09/6/2020, tạm ứng 02 lần, mỗi lần tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/6/2020, tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 19/6/2020, tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, số tài khoản nhận tiền: 661704060048816 của ông Lương Gia Kiến V. Xét lời khai của nguyên đơn là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại Công văn số 113014.23 ngày 05/8/2023 của Ngân hàng TMCP Q1-Chi nhánh Q2, Phòng G1, nên có đủ cơ sở để xác định Công ty TNHH B còn nợ H kinh doanh Lương Kiến Q số tiền nợ gốc là: 840.000.000đ (T trăm bốn mươi triệu đồng). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đối với Công ty TNHH B về số nợ tiền hàng là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với quy định tại các 275, 280, 542, 544 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179, 182, 297 của Luật Thương mại năm 2005.

[6] Xét yêu cầu về tiền lãi do quá hạn thanh toán:

Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q yêu cầu tiền lãi do quá

hạn thanh toán tính từ ngày 27/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 5,5%/năm với số tiền là: 145.723.200đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng) là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng, không trái pháp luật, mặt khác, cũng phù hợp với Thông báo số 201/TB-QLNB ngày 19/11/2019 của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

[7] Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH B phải thanh toán cho Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q là 985.723.200đ (Chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng), bao gồm: Số tiền nợ gốc là 840.000.000đ (T tám trăm triệu đồng); Số tiền lãi chậm trả phát sinh (tính đến ngày 22/9/2023) là 145.723.200đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng), thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 41.571.696đ (Bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, 385, 401, 542 và Điều 544 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 179, 182, 297 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q.

Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q số tiền là 985.723.200đ (Chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng), bao gồm: Số tiền nợ gốc là 840.000.000đ (T

trăm bốn mươi triệu đồng); Số tiền lãi chậm trả phát sinh (tính đến ngày 22/9/2023) là 145.723.200đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng).

Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 5,5%/năm.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH B phải chịu là 41.571.696đ (Bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.993.750đ (Mười tám triệu chín trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0044879 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Ông Lương Kiến Q - Hộ kinh doanh Lương Kiến Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh Minh